| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN VĨNH BẢO**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 02/2019/KDTM-ST
Ngày 21-6-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VB, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà Nguyễn Thị Tâm

Bà Phạm Thị Khanh

***- Thư ký phiên toà***: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Nghĩa- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2019/KDTM-ST ngày 28 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 4 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-KDTM ngày 24 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: NH NN và PTNT (Agribank); trụ sở chính: Số 02, LH, phường TC, quận BĐ, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông TNK- Chủ tịch Hội đồng thành viên; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Văn C - Phó Trưởng phòng kế hoạch Kinh doanh NH NN và PTNT chi nhánh NAĐ Hải Phòng; ông Công có mặt.

- *Bị đơn*: Vợ chồng ông Đỗ Văn V và bà Đoàn Thị T; nơi cư trú: Thôn NA , xã HB, huyện VB, Hải Phòng; ông V , bà T đều có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Vợ chồng ông Lê Văn M và bà Hoàng Thị M ; nơi cư trú: Thôn NA, xã HB, huyện VB, thành phố Hải Phòng; ông Mạnh, bà M đều có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là NH NN và PTNT (Agribank) do người đại diện theo theo ủy quyền trình bày:

Ngày 06-10-2014, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh NA Hải Phòng (nay đổi tên thành Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh NAĐ Hải Phòng) sau đây gọi tắt là Ngân hàng có ký hợp đồng tín dụng số 2118LAV201400724, nội dung: Ngân hàng cho vợ chồng ông Đỗ Văn V , sinh năm 1971 và bà Đoàn Thị T, sinh năm 1975 vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng chẵn); mục đích sử dụng tiền vay: nuôi tôm thẻ chân trắng để thu lợi nhuận; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ông Đỗ Văn V, bà Đoàn Thị T rút tiền vay lần đầu tiên theo hợp đồng tín dụng; lãi suất vay: 11%/năm. Để đảm bảo nghĩa vụ hoàn trả vốn vay và các chi phí liên quan phát sinh theo hợp đồng nói trên, bên vay đã thế chấp bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 72.H/2014/BĐTV ngày 02-10-2014 được ký giữa vợ chồng ông Lê Văn M và bà Hoàng Thị M (Bên thế chấp); Ngân hàng (Bên nhận thế chấp) và vợ chồng ông Đỗ Văn V, bà Đoàn Thị T (Bên được cấp tín dụng). Cụ thể tài sản thế chấp là toàn bộ giá trị quyền sử dụng 540$m^2$ đất và ngôi nhà cùng tài sản khác gắn liền trên đất hiện tại cũng như hình thành trong tương lai, tại thửa đất 106; 106a, tờ bản đồ số 010;10 địa chỉ thửa đất: Thôn 13, xã HB, huyện VB, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 366040, do UBND huyện VB cấp ngày 01-6-1996 mang tên ông Lê Văn Mạnh. Hợp đồng thế này đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất-Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện VB, thành phố Hải Phòng. Sau khi ký kết các hợp đồng trên, Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng ông V, bà T vay số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) vào ngày 06-10-2014. Trong thời gian thực hiện hợp đồng tín dụng, vợ chồng ông V, bà T mới thanh toán trả Ngân hàng 33.000.000 đồng tiền lãi. Tổng dư nợ tín dụng của ông V bà T theo Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 21-6-2019 bao gồm cả dư nợ gốc và dư nợ lãi, cụ thể như sau: Tiền gốc: 300.000.000 đồng, nợ lãi tính đến 21-6-2019 là 186.725.000 đồng, trong đó: Lãi trong hạn là 124.666.667 đồng, lãi quá hạn là 62.058.333 đồng, tổng cộng: 486.725.000 đồng, vợ chồng ông V, bà T chưa trả cho Ngân hàng.

Kể từ khi bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng liên tục có thông báo và công văn đôn đốc nợ. Mặt khác Ngân hàng cũng đã mời ông V , bà T lên trụ sở Ngân hàng NAĐ Hải Phòng để làm việc nhiều lần và có biên bản làm việc cũng như thông báo về việc quản lý tài sản thế chấp, song ông V , bà T không chấp hành. Việc ông V, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết tại hợp đồng tín dụng đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Vì vậy Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Đỗ Văn V và bà Đoàn Thị T phải thanh toán trả nợ số tiền gốc là 300.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 21-6-2019 là 186.725.000 đồng, trong đó: Lãi trong hạn: 124.666.667 đồng, lãi quá hạn: 62.058.333 đồng, tổng cộng 486.725.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 22-6-2019 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ theo hợp đồng tín dụng.

Trong trường hợp ông V , bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 72.H/2014/BĐTV ngày 02-10-2014 là toàn bộ giá trị quyền sử dụng 540m$^2$ đất và tài sản trên đất tại thửa đất số đất số 106;106a, tờ bản đồ số 010;10, địa chỉ thửa đất: Thôn 13, xã HB, huyện VB, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 366040 do UBND huyện VB cấp ngày 01-6-1996 mang tên ông Lê Văn Mạnh, để thu hồi vốn cho Ngân hàng theo đúng như cam kết.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn vợ chồng ông Đỗ Văn V bà Đoàn Thị T trình bày: Ngày 06-10-2014, vợ chồng ông bà đã ký kết hợp đồng tín dụng số 2118LAV201400724 với Ngân hàng để vay số tiền 300.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay: nuôi tôm thẻ chân trắng thu lợi nhuận; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày vợ chồng ông bà rút tiền vay lần đầu tiên theo hợp đồng tín dụng; lãi suất vay: 11%/năm. Sau đó vợ chồng ông bà đã được Ngân hàng giải ngân cho vay số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) vào ngày 06-10-2014. Để đảm bảo nghĩa vụ hoàn trả vốn vay và các chi phí liên quan phát sinh theo hợp đồng nói trên, ông bà đã thế chấp toàn bộ giá trị quyền sử dụng 540m$^2$ đất và ngôi nhà cùng tài sản gắn liền trên đất hiện tại cũng như hình thành trong tương lai tại số thửa 106;106a; tờ bản đồ số 010;10, địa chỉ thửa đất: Thôn 13, xã HB, huyện VB, thành phố Hải phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 366040, do UBND huyện VB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 01-6-1996 đứng tên ông Lê Văn M theo hợp đồng thế chấp tài sản số 72.H/2014/BĐTV ngày 02-10-2014 được ký kết giữa vợ chồng ông Lê Văn M bà Hoàng Thị M (Bên thế chấp), vợ chồng ông Vinh, bà T (Bên được cấp tín dụng) và Ngân hàng (Bên nhận thế chấp). Do làm ăn thua lỗ nên gia đình ông bà mới thanh toán trả Ngân hàng 33.000.000 đồng tiền lãi. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông bà thanh toán trả số tiền gốc là 300.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 21-6-2019 là 186.725.000 đồng, trong đó lãi trong hạn: 124.666.667 đồng; lãi quá hạn: 62.058.333 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 486.725.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 22-6-2019 đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ, nhưng ông bà đồng ý trả nợ dần cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi trong hạn, không đồng ý trả lãi quá hạn và hẹn đến tháng 11/2019 sẽ hoàn trả.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Lê Văn M và bà Hoàng Thị M trình bày: Ngày 06-4-2014 vợ chồng ông V bà T có vay NH NN và PTNT chi nhánh NA Hải Phòng số tiền 300.000.000 đồng. Do vợ chồng ông bà và vợ chồng ông V , bà T là hàng xóm cùng làm ăn với nhau nên ông bà đã tự nguyện dùng tài sản của mình là quyền sử dụng 540m$^2$ đất cùng toàn bộ tài sản trên đất hiện tại cũng như hình thành trong tương lai tại thửa đất số 106; 106a, tờ bản đồ số 010;10 địa chỉ thửa đất: Thôn 13, xã HB, huyện VB, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 366040, do UBND huyện VB cấp ngày 01-6-1996 đứng tên chủ sử dụng đất mang tên ông Lê Văn M thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo khoản vay của vợ chồng ông V . Do vợ chồng ông V, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đề nghị Tòa án phát

mại tài sản thế chấp, ông bà không đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và xem xét đến hoàn cảnh của gia đình ông bà.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, cũng như các hoạt động tố tụng khác; Về việc thu thập chứng cứ: Quá trình nghiên cứu hồ sơ, Viện kiểm sát đã ban hành yêu cầu bổ sung một số tài liệu, chứng cứ, Tòa án đã bổ sung đầy đủ tài liệu theo yêu cầu của Viện kiểm sát. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành nghiêm chỉnh yêu cầu của Tòa án về cung cấp chứng cứ, tham gia các hoạt động tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 306 Luật thương mại; khoản 1 Điều 4, Điều 21, Điều 56, Điều 58, Điều 68, Điều 71 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 116, 117, 280, 295, 298, 299, 317, 318, 320, 321, 322, 323, 351, 357, 398, 463, 466, 468, 500, 502, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 167, Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39; Điều 147, Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. Buộc ông Đỗ Văn V và bà Đoàn Thị T phải trả nợ NH NN và PTNT số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 21-6-2019 là 186.725.000 đồng, trong đó: Lãi trong hạn: 124.666.667 đồng, lãi quá hạn: 62.058.333 đồng, tổng cộng là 486.725.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 22-6-2019 cho đến khi trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng số 2118LAV20140724 ngày 06-10-2014 đã ký giữa Ngân hàng và ông V bà T . Nếu ông V bà T không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho NH NN và PTNT thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là toàn bộ giá trị quyền sử dụng 540m$^2$ đất và ngôi nhà cùng tài sản khác gắn liền trên đất hiện tại cũng như hình thành trong tương lai tại thửa đất số 106;106a; tờ bản đồ số 010;10, địa chỉ thửa đất: Thôn 13, xã HB, huyện VB, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 366040 do UBND huyện VB cấp ngày 01-6-1996 mang tên ông Lê Văn M để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Về án phí: NH NN và PTNT không phải chịu án phí kinh doanh thương mại, vợ chồng ông V bà T phải chịu án phí kinh doanh thương mại. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Về chi phí tố tụng: Chấp nhận sự tự nguyện của Ngân hàng về việc nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

-Về tố tụng:

[1] Vợ chồng ông Đỗ Văn V và bà Đoàn Thị T đều có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn NA , xã HB, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Ông V bà T có dự án vay vốn để sản xuất kinh doanh, mục đích vay tiền của ông V và T để nuôi tôm thẻ chân trắng thu lợi nhuận. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Việc NH NN và PTNT khởi kiện đối với vợ chồng ông V bà T trong thời thời hạn pháp luật quy định. Căn cứ khoản 1 Điều 30 và Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án kinh doanh thương mại và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

[2] Về pháp luật áp dụng: NH NN và PTNT và vợ chồng ông V ký kết Hợp đồng tín dụng số 2118-LAV-201400724 ngày 06-10-2014; Ngân hàng, ông V bà T , ông Mạnh, bà M ký hợp đồng thế chấp tài sản số 72.H/2014/BĐTV ngày 02-10-2014. Các bên đã xác lập giao dịch và thực hiện giao dịch trước ngày Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực pháp luật nhưng có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015, vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng này sẽ áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 và các văn bản pháp luật liên quan để giải quyết.

- Về nội dung vụ án:

[3] Xét hợp đồng tín dụng số 2118LAV201400724 ngày 06 tháng 10 năm 2014. Ông V thừa nhận là người đã trực tiếp ký hợp đồng tín dụng nêu trên, mục đích vay vốn để vợ chồng ông V, bà T cùng kinh doanh thu lợi nhuận phát triển kinh tế gia đình, do làm ăn không thuận lợi nên vợ chồng ông bà chưa có điều kiện để thanh toán trả nợ theo hợp đồng đã ký kết. Về hình thức và nội dung của hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng và ông V phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117, 398, 463 BLDS năm 2015. Vì vậy Hợp đồng tín dụng số 2118-LAV-201400724 ngày 06 tháng 10 năm 2014 có hiệu lực pháp luật, các bên phải thực hiện theo hợp đồng. Do ông V bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông V và bà T phải trả số tiền gốc là 300.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 21-6-2019 là 186.725.000 đồng, trong đó: lãi trong hạn: 124.666.667 đồng, lãi quá hạn: 62.058.333 đồng, tổng cộng 486.725.000 đồng là có căn cứ, đúng với thỏa thuận mà hai bên đã ký kết, phù hợp với đề nghị của Viện Kiểm sát các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cần được chấp nhận. Căn cứ các Điều 280, 351, 357, 463, 466, 468 BLDS 2015, Điều 306 Luật Thương mại, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 11 của Quyết định số 20/2014/VBHN-NHNN ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, buộc vợ chồng ông Đỗ Văn V và

bà Đoàn Thị T phải thanh toán trả Ngân hàng số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng với tổng số tiền tính đến ngày 21-6-2019 là 486.725.000 đồng, gồm nợ gốc: 300.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 124.666.667 đồng, lãi quá hạn: 62.058.333 đồng và số tiền lãi phát sinh từ ngày 22-6-2019 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng.

[4] Xét hợp đồng thế chấp tài sản: Hợp đồng thế chấp tài sản số 72.H/2014/BĐTV ngày 02-10-2014 được dùng bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng số 2118-LAV-201400724 ngày 06 tháng 10 năm 2014 giữa bên thế chấp là vợ chồng ông Lê Văn Mạnh, bà Hoàng Thị M , bên nhận thế chấp là Ngân hàng; bên được cấp tín dụng là vợ chồng ông Đỗ Văn Vinh, bà Đoàn Thị T. Tài sản thế chấp là ngôi nhà và toàn bộ giá trị quyền sử dụng 540m$^2$ đất, tại thửa số 106;106a; tờ bản đồ số 010;10, địa chỉ thửa đất: Thôn 13, xã HB, huyện VB, thành phố Hải Phòng đã được UBND huyện VB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 366040 ngày 01-6-1996 mang tên ông Lê Văn Mạnh. Ông Mạnh, bà M đã tự nguyện đem tài sản nói trên bảo đảm nghĩa vụ trả nợ đối với khoản nợ cả gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí khác phát sinh nếu có. Hợp đồng này có nội dung, hình thức và được đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định tại các Điều 298, 319, 398, 500, 502 BLDS 2015 và khoản 3 Điều 167, Điều 188 Luật Đất đai 2013. Do đó Hợp đồng thế chấp tài sản số 72.H/2014/BĐTV ngày 02-10-2014 có hiệu lực pháp luật, vợ chồng ông M bà M phải thực hiện các thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp tài sản này. Nếu ông Đỗ Văn V , bà Đoàn Thị T không trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại tài sản nêu trên để thu hồi nợ trả cho Ngân hàng là phù hợp với các Điều 299, 320, 321, 322, 323 BLDS 2015; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 và các Điều 21, 56, 58, 68, 71 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả nợ được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí mà bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[6] Về chi phí tố tụng: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh NAĐ Hải Phòng nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng đã nộp đủ và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 116, 117, 280, 295, 298, 299, 317, 318, 320, 321, 322, 323, 351, 357, 463, 466, 468, 500, 502, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 167, Điều 188 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 306 Luật thương mại; khoản 1 Điều 4, Điều 21, Điều 56, Điều 58, Điều 68, Điều 71 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của NH NN và PTNT

Xử buộc ông Đỗ Văn V và bà Đoàn Thị T phải trả cho NH NN và PTNT số tiền nợ gốc và tiền lãi của Hợp đồng tín dụng số 2118-LAV-201400742 ngày 06 tháng 10 năm 2014 với tổng số tiền tính đến ngày 21 tháng 6 năm 2019 là 486.725.000 đồng (Bốn trăm tám mươi sáu triệu, bảy trăm hai mươi năm nghìn đồng). Trong đó: Nợ gốc: 300.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 124.666.667 đồng; lãi quá hạn là 62.058.333 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Đỗ Văn V và bà Đoàn Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2118-LAV-201400742 ngày 06 tháng 10 năm 2014 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Nếu ông Đỗ Văn V và bà Đoàn Thị T không trả được hoặc trả không đầy đủ khoản nợ nêu trên cho NH NN và PTNT thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại toàn bộ tài sản thế chấp của ông Lê Văn M bà Hoàng Thị M là quyền sử dụng 540m$^2$ đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa số 106;106a; tờ bản đồ số 010;10, tọa lạc tại thôn 13, xã HB, huyện VB, thành phố Hải Phòng đã được UBND huyện VB cấp Giấy nhận quyền sử dụng đất số G 366040 ngày 01 tháng 6 năm 1996 đứng tên ông Lê Văn M để thu hồi nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Trong trường hợp số tiền phát mại thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì vợ chồng ông Đỗ Văn V bà Đoàn Thị T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NH NN và PTNT cho đến khi trả xong khoản vay.

3. Về án phí: NH NN và PTNT không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng 11.310.000 đồng (Mười một triệu ba trăm mười nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi

hành án dân sự huyện VB theo biên lai thu số 0001344 ngày 28 tháng 02 năm 2019.

Vợ chồng ông Đỗ Văn V và bà Đoàn Thị T phải chịu 23.469.000 đồng (Hai mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi chín nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm

4. Về chi phí tố tụng: NH NN và PTNT đã nộp đủ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, Ngân hàng không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện VB, TP Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Chi Cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thương Huyền**